

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2023

Số: 152/KL-TTr

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật giáo dục  
nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội**

Thực hiện Quyết định số 227/QĐ-TTr ngày 22/5/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội, từ ngày 06/6/2023 đến ngày 09/6/2023, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội (sau đây gọi là Trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 16/6/2023 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CƠ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội

**2. Địa chỉ**

**2.1. Trụ sở chính:** thôn Yên Thái, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

**2.2. Phân hiệu/cơ sở đào tạo/địa điểm đào tạo**

Địa điểm đào tạo: tổ dân phố số 05, Hòe Thị, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là số 01 đường Trịnh Văn Bô, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

**2.3. Điện thoại:** 0243.9913.113      Email: hiccaugiay@gmail.com

**3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** tư thực.

**4. Quyết định thành lập**

- Quyết định số 1696/QĐ-LĐTBXH ngày 22/11/2012 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng nghề FLC.

- Quyết định số 1142/QĐ-LĐTBXH ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề FLC thành Trường Cao đẳng nghề Quốc tế Hà Nội.

- Quyết định số 588/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Quốc tế Hà Nội thành Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội và thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của trường.

h

## **5. Hội đồng trường; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng**

### **5.1. Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị của Trường nhiệm kỳ 2019 - 2024 do Tổng cục trưởng Tổng cục giáo dục nghề nghiệp thành lập tại Quyết định số 339/QĐ-TCGDNN ngày 20/5/2019, gồm 05 người: ông Nguyễn Văn Sinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Nguyễn Đức Tiến - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bà Trần Thị Sang - thư ký; ông Dương Văn Thắng - Hiệu trưởng và bà Trần Hương Thảo - Phó Hiệu trưởng, thành viên.

+ Thay đổi thành viên: ông Nguyễn Công Cát - Hiệu trưởng thay ông Dương Văn Thắng làm thành viên Hội đồng quản trị (Quyết định số 1032/QĐ-TCGDNN ngày 25/9/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp); ngày 08/7/2021, Trường có văn bản số 224/CV-HIC gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đề nghị miễn nhiệm ông Nguyễn Công Cát - Hiệu trưởng, thành viên Hội đồng quản trị (lý do: Nguyễn Công Cát thôi việc tại Trường), tuy nhiên Trường chưa cung cấp được văn bản của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp công nhận Hiệu trưởng đương nhiệm là ông Trương Tuấn Dũng là thành viên Hội đồng quản trị.

+ Thành phần tham gia Hội đồng quản trị thiếu đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trụ sở hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.

+ Ông Nguyễn Văn Sinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, trong đó có Giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Quyết định số 776/QĐ-TCGDNN ngày 15/8/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp).

- Trong thời kỳ thanh tra, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ 03 tháng/lần theo quy định, cụ thể:

+ Năm 2021: họp các ngày 03/4/2021, 02/7/2021, 04/10/2021, 27/12/2021.

+ Năm 2022: họp các ngày 04/4/2022, 04/7/2022, 03/10/2022, 20/12/2022.

+ Năm 2023 (tính đến hết tháng 5/2023): họp ngày 05/4/2023.

### **5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động**

Hiệu trưởng đã ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Trường (Quyết định số 05/QĐ-HIC ngày 05/9/2019 và Quyết định số 75/QĐ-HIC ngày 22/01/2022) có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021.

### **5.3. Hiệu trưởng**

#### **a) Thông tin cá nhân của Hiệu trưởng**

- Trước ngày 10/8/2021: ông Nguyễn Công Cát (sinh ngày 15/8/1953) được công nhận chức danh Hiệu trưởng tại Quyết định số 1926/QĐ-LĐTBXH ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

- Từ ngày 10/8/2021: ông Trương Tuấn Dũng (sinh ngày 21/10/1960) được công nhận chức danh Hiệu trưởng tại Quyết định số 917/QĐ-LĐTĐ ngày 10/8/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ.

*b) Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp*

Hiệu trưởng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, trong đó có Giấy chứng nhận bồi dưỡng “Nghiệp vụ Quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp” (Quyết định số 1443/QĐ-TCGDNN ngày 19/11/2019 và Quyết định số 611/QĐ-TCGDNN ngày 20/12/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp).

**6. Giấy chứng nhận đăng ký/đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

Trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động:

- Giấy chứng nhận số 61/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 10/07/2019.
- Giấy chứng nhận số 61a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 21/11/2019.
- Giấy chứng nhận số 82/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 02/7/2020.
- Giấy chứng nhận số 82a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/8/2020.
- Giấy chứng nhận số 82b/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/3/2021.
- Giấy chứng nhận số 82c/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 17/9/2021.
- Giấy chứng nhận số 82d/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/10/2021.
- Giấy chứng nhận số 25/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/3/2022.
- Giấy chứng nhận số 25a/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/12/2022.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**1. Các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

**1.1. Cơ sở vật chất**

*1.1.1. Về diện tích đất sử dụng chung toàn trường*

Diện tích đất sử dụng chung toàn Trường: 33.211 m<sup>2</sup>, đã bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trường cao đẳng thuộc khu vực đô thị theo quy định, cụ thể:

a) *Tại trụ sở chính:* 11.002 m<sup>2</sup> (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB157891 cấp ngày 19/8/2005 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây).

b) *Tại các địa điểm đào tạo:* 22.209 m<sup>2</sup> (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD985806 ngày 03/6/2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội).

c) *Liên kết đào tạo:* Trường không tổ chức liên kết đào tạo.

*1.1.2. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình:* 11.100 m<sup>2</sup>, trong đó:

*h*

a) *Tại trụ sở chính:* đã xây dựng các hạng mục công trình với tổng diện tích sử dụng là 5.500 m<sup>2</sup>, cụ thể:

- Khu hiệu bộ và khu hành chính: 150 m<sup>2</sup>. Số người làm việc (Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa): 14 người. Diện tích bình quân là 10,7 m<sup>2</sup>/người đảm bảo theo quy định pháp luật.

- Phòng học lý thuyết: 11 phòng (605 m<sup>2</sup>).

- Phòng học thực hành: 10 phòng (730 m<sup>2</sup>).

- Xưởng thực hành ô tô: 450 m<sup>2</sup>.

- Thư viện: 50 m<sup>2</sup>, có 500 loại đầu sách, tài liệu và có phần mềm tra cứu phục vụ việc học tập và giảng dạy.

- Khu giáo dục thể chất: 1.000 m<sup>2</sup> (sân bóng đá, phòng tập). Công năng sử dụng: giảng dạy, học tập môn giáo dục thể chất.

- Ký túc xá sinh viên: 500 m<sup>2</sup>, quy mô 200 học sinh, sinh viên.

- Phòng y tế: 01 phòng (40 m<sup>2</sup>).

- Các công trình, tiện ích khác: 1.975 m<sup>2</sup> (nhà để xe, căng tin, vườn hoa).

b) *Tại địa điểm đào tạo:* đã xây dựng các hạng mục công trình với tổng diện tích sử dụng là 5.600 m<sup>2</sup>, cụ thể:

- Khu hiệu bộ và khu hành chính: 300 m<sup>2</sup>. Số người làm việc (Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa): 22 người. Diện tích bình quân là 13,63 m<sup>2</sup>/người đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

- Phòng học lý thuyết: 36 phòng (2.160 m<sup>2</sup>).

- Phòng học thực hành: 08 phòng (640 m<sup>2</sup>).

- Thư viện: 200 m<sup>2</sup>, có 500 loại đầu sách, tài liệu và có phần mềm tra cứu phục vụ việc học tập và giảng dạy.

- Khu giáo dục thể chất: 300 m<sup>2</sup> (sân tập thể dục, phòng tập). Công năng sử dụng: giảng dạy, học tập môn giáo dục thể chất.

- Phòng y tế: 01 phòng (30 m<sup>2</sup>).

- Các công trình khác (sân, vườn, nhà để xe, nhà bảo vệ): 1.970 m<sup>2</sup>.

\* Đối chiếu Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ: tổng diện tích của phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập (kể cả thư viện, phòng tập/nhà thi đấu phục vụ đào tạo, thực hành môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng): 6.135 m<sup>2</sup>. Diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thí nghiệm/phòng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập của Trường: 6.135 m<sup>2</sup> x 3 ca học/2.667 học sinh, sinh viên = 6,9 m<sup>2</sup>/chỗ học đảm bảo theo quy định (tại thời điểm thanh tra, Trường tổ chức đào tạo cho 2.667 học sinh, sinh viên).

## 1.2. Thiết bị đào tạo

- Tại thời điểm thanh tra, Trường đào tạo các ngành, nghề:

+ Trình độ cao đẳng: dạy ngôn ngữ (tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật, tiếng Anh); công nghệ ô tô; hướng dẫn du lịch; công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; kế toán doanh nghiệp; kỹ thuật chế biến món ăn; công nghệ thông tin; công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

+ Trình độ trung cấp: công nghệ ô tô; kỹ thuật chế biến món ăn; chăm sóc sắc đẹp.

+ Trình độ sơ cấp: huấn luyện viên Golf; nghiệp vụ nhà hàng khách sạn; nghiệp vụ lễ tân; nghiệp vụ buồng, phòng.

- Kiểm tra, xác minh thiết bị đào tạo 02 ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng (công nghệ thông tin; kỹ thuật chế biến món ăn), kết quả:

\* Ngành công nghệ thông tin:

+ Phòng kỹ thuật cơ sở: có 12/12 thiết bị (đạt 100%);

+ Phòng thực hành máy vi tính: có 29/29 thiết bị (đạt 100%);

+ Phòng ngoại ngữ: có 48/48 thiết bị (đạt 100%);

+ Phòng thực hành phần cứng máy tính: có 118/118 thiết bị (đạt 100%).

+ Phòng thực hành mạng máy tính: có 87/93 thiết bị (đạt 93,5%); thiếu 06/93 thiết bị (chiếm 6,5%): 06 thiết bị định tuyến (Router).

+ Phòng thực hành phần mềm: có 49/49 thiết bị (đạt 100%).

\* Kỹ thuật chế biến món ăn:

+ Phòng học lý thuyết: có 19/19 thiết bị (đạt 100%);

+ Phòng học ngoại ngữ: có 45/45 thiết bị (đạt 100%);

+ Phòng thực hành máy vi tính: có 30/30 thiết bị (đạt 100%);

+ Phòng thực hành chế biến món ăn: có 223/230 thiết bị (đạt 96,9%); thiếu 07/230 thiết bị (chiếm 3,1%): 07 bộ cabin cá nhân.

+ Phòng thực hành chế biến bánh và món ăn tráng miệng: có 313/314 thiết bị (đạt 99,6%); thiếu 01/314 thiết bị (chiếm 0,4%): 01 thiết bị làm kem.

Trường lưu đầy đủ các hợp đồng mua bán thiết bị và hoá đơn: hợp đồng số 2111/2019/HĐKT/SL-QTHN ngày 21/11/2019; hợp đồng số 0814/2020/TBV-HIC ngày 14/8/2020; hợp đồng số 0815/2020/TBV-HIC ngày 15/8/2020; hợp đồng số 03/2022/DMQT-HIC ngày 11/10/2022; hợp đồng số 011/2022/HĐKT ngày 11/8/2022; hợp đồng số 010222/HĐKT-GH-HIC ngày 01/02/2022; hợp đồng 1705/2022/HĐKT/AT&T-HIC ngày 17/5/2022; hợp đồng số 318-009/HĐKT/BN-CĐQTHN ngày 21/02/2022; hợp đồng số 01-1605/2023/HĐMB/CĐQT-GH ngày 16/5/2023.

### **1.3. Đội ngũ cán bộ, nhà giáo**

#### **1.3.1. Cán bộ quản lý**

Tổng số 17 người, trong đó: 01 người trình độ tiến sỹ; 11 người trình độ thạc sỹ; 05 người trình độ đại học.

#### **1.3.2. Đội ngũ nhà giáo**

- Về số lượng: tổng số nhà giáo 271 người, trong đó:

+ Nhà giáo cơ hữu: 102 người.

+ Nhà giáo thỉnh giảng: 169 người.

- Kiểm tra xác suất hồ sơ, tài liệu của 50 nhà giáo, kết quả:

+ Về trình độ chuyên môn, kỹ thuật: 50/50 nhà giáo giảng dạy lý thuyết, thực thành, tích hợp đảm bảo có bằng cử nhân trở lên hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

+ Về kỹ năng nghề: 50/50 nhà giáo đáp ứng đủ điều kiện về kỹ năng nghề.

+ Về năng lực nghiệp vụ sư phạm dạy nghề: 50/50 nhà giáo đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ sư phạm dạy nghề.

+ Trình độ ngoại ngữ: 50/50 đạt tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ.

+ Trình độ tin học: 50/50 nhà giáo đạt tiêu chuẩn về trình độ tin học.

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên: 9,8 học sinh, sinh viên/ giáo viên, giảng viên (tại thời điểm thanh tra, Trường có 2.667 sinh viên/271 nhà giáo).

- Kiểm tra tỷ lệ nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng ngành công nghệ ô tô, kết quả: có 21 giảng viên cơ hữu và 07 giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy, đảm bảo giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% chương trình của ngành nghề đào tạo.

- Đánh giá, xếp loại nhà giáo: Trường đã thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo hằng năm vào cuối năm học; ban hành kế hoạch đánh giá (kế hoạch số 459/KH-HIC ngày 05/5/2021; kế hoạch số 370/KH-HIC ngày 06/5/2022; kế hoạch số 459/KH-HIC ngày 05/5/2023); quyết định thành lập hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo (Quyết định số 179/QĐ-HIC ngày 31/5/2021; Quyết định số 396/QĐ-HIC ngày 12/5/2022; Quyết định số 466/QĐ-HIC ngày 10/5/2023). Kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo: năm 2021 có 279/279 nhà giáo đạt chuẩn; năm 2022 có 271/271 nhà giáo đạt chuẩn; đến tháng 6/2023 có 271/271 nhà giáo đạt chuẩn.

### **1.4. Chương trình, giáo trình đào tạo**

#### **1.4.1. Về chương trình đào tạo**

a) Việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

- Đã tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành 39 chương trình đào tạo cho 39 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 27 ngành, nghề; trung cấp: 12 ngành, nghề); tổ

chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng:

+ Hiệu trưởng đã ban hành các quyết định thành lập Hội đồng xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành, nghề. Hội đồng thẩm định đảm bảo về số lượng (ít nhất là 07 người) và tiêu chuẩn. Tuy nhiên, thành phần Hội đồng thẩm định chưa có đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

+ Kiểm tra nội dung của chương trình đào tạo, kết quả: cấu trúc của chương trình đào tạo theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo theo quy định.

- Đã xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo 06 môn học chung trong 39 chương trình đào tạo.

*b) Đối với chương trình đào tạo liên thông*

- Về chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng:

+ Trường đã xây dựng, thẩm định, ban hành 01 chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành, nghề kỹ thuật chế biến món ăn. Hội đồng thẩm định đảm bảo về số lượng (12 người) và tiêu chuẩn, tuy nhiên thành phần chưa có đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

+ Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 24a/QĐ-HIC ngày 26/4/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành kỹ thuật chế biến món ăn.

+ Đã thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo.

+ Kiểm tra nội dung của chương trình đào tạo, kết quả: cấu trúc của chương trình đào tạo theo quy định.

- Chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng để người học được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai: không phát sinh.

- Chương trình đào tạo liên thông trình độ trung cấp để người học được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp thứ hai: không phát sinh.

*c) Đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp*

Trường đã xây dựng, thẩm định, ban hành 16 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp cho 16 ngành, nghề.

*d) Đối với chương trình đào tạo dưới 03 tháng: không phát sinh.*

*1.4.2. Về giáo trình đào tạo*

*a) Giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; đào tạo liên thông*

Trường sử dụng 39 giáo trình do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác xây dựng và ban hành.

*b) Giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp*

Trường sử dụng 16 giáo trình do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác xây dựng và ban hành.

*c) Giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng: không phát sinh.*

**2. Tình hình triển khai thực hiện các quy định trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

**2.1. Công tác tuyển sinh**

*a) Xây dựng quy chế tuyển sinh*

Hiệu trưởng đã ban hành quy chế tuyển sinh kèm theo Quyết định số 09a/QĐ-HIC ngày 05/01/2021, Quyết định số 25/QĐ-HIC ngày 06/01/2022, Quyết định số 26/QĐ-HIC ngày 12/01/2023. Nội dung của quy chế tuyển sinh đảm bảo theo quy định.

*b) Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi (ban chuyên môn)*

- Trong thời kỳ thanh tra, Hiệu trưởng đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh đảm bảo theo quy định.

- Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi: không phát sinh, lý do: Trường tổ chức tuyển sinh theo hình thức xét tuyển.

*c) Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển*

- Đã phát hành thông báo tuyển sinh, phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp; đăng tải tại trang thông tin điện tử của Trường (<https://caodangquoctehanoi.edu.vn>); <https://www.facebook.com/caodangquoctehanoi.edu.vn>).

- Kiểm tra xác suất 74 hồ sơ đăng ký dự tuyển năm 2022 (35 hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng ngành tiếng Hàn Quốc; 25 hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ trung cấp ngành chăm sóc sắc đẹp; 14 hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ sơ cấp ngành nghiệp vụ nhà hàng), kết quả:

+ 35/35 hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng ngành tiếng Hàn Quốc có phiếu đăng ký tuyển sinh; bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông/giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời; bản sao học bạ trung học phổ thông; sơ yếu lý lịch; bản sao giấy khai sinh và giấy tờ tùy thân (chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân).

+ 25/25 hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ trung cấp ngành chăm sóc sắc đẹp có phiếu đăng ký tuyển sinh; bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông/giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời; bản sao học bạ; sơ yếu lý lịch; bản sao giấy khai sinh và giấy tờ tùy thân.

+ 14/14 hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ sơ cấp ngành nghiệp vụ nhà hàng có phiếu đăng ký tuyển sinh; bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở/giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời; bản sao học bạ; sơ yếu lý lịch; bản sao



giấy khai sinh và giấy tờ tùy thân.

*d) Hình thức tuyển sinh*

Trong thời kỳ thanh tra, Trường thực hiện tuyển sinh theo hình thức xét tuyển.

*đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh*

Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh: xử lý các dữ liệu đăng ký tuyển sinh trực tuyến tại ứng dụng “Chọn nghề” của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển tại phần mềm máy tính; in giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển; cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển tại trang thông tin điện tử của Trường (<https://caodangquoctehanoi.edu.vn/>).

*e) Kết quả tuyển sinh*

- Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tuyển sinh được 3.769 người (trình độ cao đẳng: 3.598 người; trình độ trung cấp: 136 người; trình độ sơ cấp: 35 người):

+ Năm 2021: 1.350 người (trình độ cao đẳng: 1.286 người; trình độ trung cấp: 64 người).

+ Năm 2022: 2.213 người (trình độ cao đẳng: 2.106 người; trình độ trung cấp: 72 người; trình độ sơ cấp: 35 người).

+ 6 tháng đầu năm 2023: 206 người (trình độ cao đẳng).

- Hiệu trưởng đã ban hành quyết định công nhận danh sách trúng tuyển theo từng đợt/từng năm tuyển sinh. Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện công bố công khai danh sách thí sinh trúng tuyển tại trang thông tin điện tử của Trường (<https://caodangquoctehanoi.edu.vn/>) hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021.

- Quyết định mở lớp; số lượng các lớp đào tạo:

+ Năm 2021 mở 37 lớp K9, tổng số 1.350 người, trong đó: 13 lớp tiếng Trung Quốc (cao đẳng); 09 lớp tiếng Hàn Quốc (cao đẳng); 02 lớp tiếng Nhật Bản (cao đẳng); 02 lớp tiếng Anh (cao đẳng); 01 lớp quản trị (cao đẳng); 01 lớp kế toán (cao đẳng); 01 lớp marketing thương mại (cao đẳng); 02 lớp kỹ thuật chế biến món ăn (01 lớp cao đẳng, 01 lớp trung cấp); 01 lớp quản trị khách sạn (cao đẳng); 01 công nghệ thông tin (cao đẳng); 01 lớp công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (cao đẳng); 03 lớp công nghệ ô tô (02 cao đẳng, 01 lớp trung cấp).

+ Năm 2022 mở 53 lớp K10, tổng số 2.213 người, trong đó: 23 lớp tiếng Trung Quốc (cao đẳng); 12 lớp tiếng Hàn Quốc (cao đẳng); 01 lớp tiếng Nhật (cao đẳng); 02 lớp tiếng Anh (cao đẳng); 01 lớp kế toán (cao đẳng); 02 lớp marketing thương mại (cao đẳng); 03 lớp kỹ thuật chế biến món ăn (01 lớp cao đẳng, 02 lớp trung cấp); 02 lớp công nghệ thông tin (cao đẳng); 02 lớp công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (cao đẳng); 04 lớp công nghệ ô tô (03 lớp cao đẳng, 01 lớp trung cấp); 01 lớp chăm sóc sắc đẹp (trung cấp).

+ Năm 2023 mở 06 lớp K11, tổng số 206 người, trong đó: 04 lớp tiếng Trung (cao đẳng); 02 lớp tiếng Hàn Quốc (cao đẳng).

- Kiểm tra xác suất 74 hồ sơ trúng tuyển năm 2022 (35 hồ sơ trúng tuyển trình độ cao đẳng ngành nghề đào tạo tiếng Hàn Quốc; 25 hồ sơ trúng tuyển trình độ trung cấp ngành chăm sóc sắc đẹp; 14 hồ sơ trúng tuyển trình độ sơ cấp ngành nghiệp vụ nhà hàng), kết quả:

+ 35/35 hồ sơ trúng tuyển trình độ cao đẳng ngành nghề đào tạo tiếng Hàn Quốc có bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông/giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời; bản sao học bạ trung học phổ thông; sơ yếu lý lịch; bản sao giấy khai sinh và giấy tờ tùy thân; giấy báo nhập học; giấy khám sức khỏe.

+ 25/25 hồ sơ trúng tuyển trình độ trung cấp ngành chăm sóc sắc đẹp có bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông/giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời; bản sao học bạ; sơ yếu lý lịch; bản sao giấy khai sinh và giấy tờ tùy thân; giấy báo nhập học; giấy khám sức khỏe.

+ 14/14 hồ sơ tuyển trình độ sơ cấp ngành nghiệp vụ nhà hàng có bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở/giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời; bản sao học bạ; sơ yếu lý lịch; bản sao giấy khai sinh và giấy tờ tùy thân; giấy báo nhập học; giấy khám sức khỏe.

#### *g) Báo cáo kết quả tuyển sinh*

Trường đã báo cáo kết quả tuyển sinh tại phần mềm Quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp (<http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn>); báo cáo Sở LĐTBXH thành phố Hà Nội (năm 2021: báo cáo ngày 19/12/2020; năm 2022: báo cáo ngày 29/12/2021).

#### *h) Đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh*

Hàng năm, Trường đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Sở LĐTBXH thành phố Hà Nội theo quy định (năm 2021: báo cáo ngày 19/12/2020; năm 2022: báo cáo ngày 29/12/2021; năm 2023: báo cáo ngày 30/12/2022).

## **2.2. Công tác đào tạo**

### *a) Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo*

- Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện quy chế đào tạo:

+ Hiệu trưởng đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện quy chế đào tạo: Quyết định số 18/2019/QĐ-HIC ngày 21/3/2019 và Quyết định số 433/QĐ-HIC ngày 16/5/2022 về việc ban hành quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp.

+ Kiểm tra quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 433/QĐ-HIC ngày 16/5/2022, kết quả: nội dung của quy chế đào tạo có chương trình và thời gian đào tạo, địa điểm đào tạo, kế hoạch đào tạo, đăng ký nhập học, chuyển ngành đào tạo, học cùng lúc hai chương trình, tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập, công nhận và miễn trừ nội dung học tập, các nội dung về kiểm tra và thi kết thúc môn, học lại, thi lại, ra đề thi và chấm thi, xử lý sinh viên vi phạm, bằng tốt nghiệp, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập.

- Các nội dung công khai trước khi bắt đầu khóa học: Trường đã công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng; mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt sau khi tốt nghiệp; chương trình của từng ngành, nghề đào tạo; thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đối với từng ngành, nghề cụ thể; quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; thời gian dự kiến thi tốt nghiệp; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp tại trang thông tin điện tử của Trường (<https://caodangquoctehanoi.edu.vn/>).

*b) Kết quả đào tạo*

- Tại địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tổ chức đào tạo 101 lớp cho 3.508 sinh viên (trình độ cao đẳng: 3.335 người; trình độ trung cấp: 138 người; trình độ sơ cấp: 35 người), cụ thể:

+ Năm 2021: 37 lớp, 1.013 người (trình độ cao đẳng: 949 người; trình độ trung cấp: 64 người; trình độ sơ cấp: 0 người).

+ Năm 2022: 58 lớp, 2.240 người (trình độ cao đẳng: 2.131 người; trình độ trung cấp: 74 người; trình độ sơ cấp: 35 người).

+ 6 tháng đầu năm 2023: 06 lớp, 255 người (trình độ cao đẳng: 255 người; trình độ trung cấp: 0 người; trình độ sơ cấp: 0 người).

- Ngoài địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: không phát sinh.

- Việc bố trí các điều kiện đảm bảo cho các lớp đào tạo: đã tổ chức các lớp học lý thuyết và học thực hành; bố trí giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết và thực hành và đồ dùng học tập, cơ sở vật chất về đào tạo lý thuyết, thực hành (chi tiết tại điểm 1 mục II Kết luận thanh tra này).

- Kiểm tra về quy mô lớp học lý thuyết: kiểm tra xác suất quy mô 06 lớp học trình độ cao đẳng tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc năm học 2023 - 2024 (số lên lớp, quyết định cho sinh viên thôi học/buộc thôi học và thực tế lớp học), kết quả:

+ 05/06 lớp vượt quy mô lớp học theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 (quá 35 người học/lớp):

- ✓ Lớp K11TQ-A1 tiếng Trung Quốc: số lượng 38 người/lớp, vượt 8,5% quy mô lớp học.
- ✓ Lớp K11TQ-A2 tiếng Trung Quốc: số lượng 38 người/lớp, vượt 8,5% quy mô lớp học.
- ✓ Lớp K11TQ-A3 tiếng Trung Quốc: số lượng 40 người/lớp, vượt 14,2% quy mô lớp học.
- ✓ Lớp K11TQ-A4 tiếng Trung Quốc: số lượng 42 người/lớp, vượt 20% quy mô lớp học.
- ✓ Lớp K11HQ-A1 tiếng Hàn Quốc: số lượng 41 người/lớp, vượt 17,1% quy mô lớp học.

+ 01/06 lớp học đảm bảo quy mô lớp học: lớp K11HQ-A2 tiếng Hàn Quốc, số lượng 26 người/lớp.

- Kiểm tra hồ sơ đào tạo trình độ cao đẳng lớp K8OT-A2 công nghệ ô tô niên khóa 2020 - 2022, kết quả:

+ Đã ban hành chương trình đào tạo công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (Quyết định số 157/QĐ-HIC ngày 26/6/2020).

+ Đã ban hành kế hoạch đào tạo công nghệ ô tô trình độ cao đẳng niên khóa 2020-2022; kế hoạch đào tạo từng năm học; tiến độ đào tạo.

+ Quy mô lớp học và giảng viên: lớp học lý thuyết 27 sinh viên/lớp, có 01 giảng viên/buổi học lý thuyết; lớp học thực hành chia thành 02 lớp/27 sinh viên, có 01 giảng viên/buổi học thực hành.

+ Trường đã ký biên bản thỏa thuận hợp tác ngày 10/11/2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư và hợp tác quốc tế VIETSUN (thời hạn 05 năm kể từ ngày ký kết) đào tạo thực hành đối với sinh viên ngành công nghệ ô tô; kết thúc chương trình thực hành có phiếu đánh giá kết quả thực hành đối với sinh viên.

+ Đối chiếu số lên lớp các kỳ học/năm học, thời khóa biểu, tiến độ đào tạo với chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo niên khóa: đã đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa (102 tín chỉ). Tại thời điểm thanh tra, 27 sinh viên lớp K8OT-A2 công nghệ ô tô đã tốt nghiệp theo Quyết định số 63/QĐ-HIC ngày 02/02/2023 của Hiệu trưởng.

*c) Số người buộc thôi học, tự thôi học*

Trong thời kỳ thanh tra có 520 người bị buộc thôi học, tự thôi học (442 bị buộc thôi học; 78 người tự thôi học), trong đó:

- Năm 2021: 39 người học cao đẳng.

- Năm 2022: 174 người, gồm 158 người học cao đẳng và 16 người học trung cấp.

- Năm 2023: 307 người, gồm 302 người học cao đẳng và 05 người học trung cấp.

*d) Việc liên kết đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông*

\* Việc liên kết đào tạo: không phát sinh.

\* Việc tổ chức đào tạo liên thông:

- Liên thông đào tạo trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp: không phát sinh.

- Liên thông đào tạo trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng: trong thời kỳ thanh tra, Trường đào tạo 01 lớp liên thông đối với 08 sinh viên ngành kỹ thuật chế biến món ăn. Kiểm tra hồ sơ đào tạo lớp K8MA-LT3 kỹ thuật chế biến món ăn niên khóa 2021 - 2022, kết quả:

+ Đã ban hành chương trình đào tạo (Quyết định số 24a/QĐ-HIC ngày 26/4/2020), kế hoạch đào tạo niên khóa 2021 - 2022 và kế hoạch đào tạo từng học kỳ, tiến độ đào tạo.

+ Đã ban hành thông báo về việc tuyển sinh liên thông hệ cao đẳng năm 2021 (Thông báo số 03/TBTS-HIC ngày 02/01/2021).

+ Kiểm tra 08 hồ sơ trúng tuyển, kết quả: 08/08 hồ sơ có giấy báo nhập học, bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bản sao học bạ trung học phổ thông, bản sao giấy khai sinh và sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, bản sao bằng tốt nghiệp và bảng điểm trung cấp kỹ thuật chế biến món ăn (đối tượng tuyển sinh đảm bảo theo quy định của pháp luật).

+ Ban hành Quyết định số 106/QĐ-CDYT ngày 27/3/2021 về thành lập lớp K8MA-LT3 kỹ thuật chế biến món ăn với số lượng 08 sinh viên. Tại thời điểm thanh tra, 06/08 sinh viên đã tốt nghiệp theo Quyết định số 63/QĐ-HIC ngày 02/02/2023.

- Liên thông trình độ cao đẳng để người học được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai: không phát sinh.

### **2.3. Việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề**

- Việc triển khai thực hiện (thành lập hội đồng thi, kiểm tra, công tác ra đề thi, công tác chấm thi):

+ Đã thành lập hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng khóa 8 đợt 3 ngành tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật, tiếng Anh niên khóa 2020-2022 (Quyết định số 135/QĐ-HIC ngày 23/02/2023); thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp (Quyết định số 136/QĐ-HIC ngày 23/02/2023); thành lập ban thanh tra thi tốt nghiệp (Quyết định số 137/QĐ-HIC ngày 23/02/2023); thành lập các ban giúp việc, gồm ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, chấm thi lý thuyết, ban hỏi thi thực hành, ban hậu cần y tế bảo vệ (Quyết định số 138/QĐ-HIC ngày 23/02/2023).

+ Đã ban hành quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp tại Quyết định số 433/QĐ-HIC ngày 16/5/2022.

- Kết quả thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề:

+ Tổng số người học nghề đủ điều kiện dự kiểm tra, thi tốt nghiệp 673 người (cao đẳng: 568 người; trung cấp: 70 người; sơ cấp: 35 người).

+ Tổng số người học nghề dự kiểm tra, thi tốt nghiệp 649 người (cao đẳng: 544 người; trung cấp: 70 người; sơ cấp: 35 người).

+ Tổng số người được công nhận tốt nghiệp 648 người (cao đẳng: 544 người; trung cấp: 69 người; sơ cấp: 35 người).

### **2.4. Công tác giáo vụ**

#### **2.4.1. Việc quản lý, sử dụng sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo**

a) Sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, đào tạo liên thông

Hiệu trưởng đã ban hành quy định thực hiện, quản lý, lưu trữ các loại hồ sơ quản lý đào tạo trong tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp dùng chung cho các hệ đào tạo cao đẳng, trung cấp, đào tạo liên thông và sơ cấp (Quyết định số 08/QĐ-

HIC ngày 28/02/2019; Quyết định số 187/QĐ-HIC ngày 15/3/2022); ban hành biểu mẫu đào tạo và học sinh, sinh viên (Quyết định số 81/QĐ-HIC ngày 20/3/2020; Quyết định số 430/QĐ-HIC ngày 16/5/2022).

- Hồ sơ, sổ dành cho Trường gồm: chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo; tiến độ đào tạo; thời khóa biểu; sổ lên lớp; sổ quản lý học sinh, sinh viên; sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; hồ sơ tốt nghiệp; sổ cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ.

- Hồ sơ, sổ dành cho giáo viên, giảng viên gồm: kế hoạch giảng dạy; giáo án; sổ tay giáo viên, sổ chủ nhiệm; giáo trình; hồ sơ thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên; hồ sơ học tập học sinh, sinh viên.

*b) Sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo dưới 03 tháng: không phát sinh.*

#### *2.4.2. Việc ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo*

*a) Ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, đào tạo liên thông*

- Trường đã in và sử dụng các sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, đào tạo liên thông theo quy định của Hiệu trưởng.

- Kiểm tra xác suất sổ lên lớp; sổ quản lý học sinh, sinh viên; sổ tay giáo viên lớp K11TQ-A1 cao đẳng tiếng Trung Quốc năm học 2023 - 2024, kết quả: đã ghi chép đầy đủ các nội dung.

*b) Ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo dưới 03 tháng: không phát sinh.*

#### **2.5. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ**

- Việc thực hiện các quy định về in ấn, phê duyệt, báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp; cập nhật dữ liệu văn bằng tốt nghiệp:

+ Hiệu trưởng đã phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ (Quyết định số 344a/QĐ-HIC ngày 25/4/2022) và báo cáo mẫu phôi bằng, chứng chỉ về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTĐXH thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hà Nội (văn bản số 344/CV-HIC ngày 25/4/2022).

+ Đã cập nhật dữ liệu văn bằng tốt nghiệp: công bố công khai thông tin về cấp bằng tốt nghiệp tại trang thông tin điện tử của Trường (<https://caodangquoctehanoi.edu.vn/>) và cung cấp các thông tin về cấp bằng tốt nghiệp trên hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến về cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp tại Trang thông tin tra cứu văn bằng giáo dục nghề nghiệp (<http://vanbang.gdnn.gov.vn>).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ: 1.931 chiếc, trong đó:

+ Tổng số phôi bằng, chứng chỉ năm 2020 chuyển sang: 1.231 chiếc (cao đẳng: 231 chiếc; sơ cấp: 1.000 chiếc).

+ Tổng số phôi bằng, chứng chỉ đã in: 700 chiếc (cao đẳng: 500 chiếc; trung cấp: 200 chiếc).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ đã sử dụng cấp cho học sinh, sinh viên: 648 chiếc, trong đó: năm 2021: 47 chiếc; năm 2022: 206 chiếc; năm 2023: 395 chiếc (cao đẳng: 544 chiếc; trung cấp: 69 chiếc; sơ cấp: 35 chiếc).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ hỏng: 52 chiếc, lý do: năm 2023 in sai thông tin học sinh, sinh viên hoặc bị nhòe mực; đã thành lập Hội đồng, Ban thư ký hủy phôi bằng, chứng chỉ; lập biên bản về việc hủy phôi bằng và báo cáo Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội (văn bản số 116/CV-HIC ngày 16/02/2023; văn bản số 367/CV-HIC ngày 11/4/2023).

- Tổng số phôi mẫu văn bằng, chứng chỉ đã in gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội, Công an thành phố Hà Nội: 09 chiếc (cao đẳng: 03 chiếc; trung cấp: 03 chiếc; sơ cấp: 03 chiếc) và 03 phôi ký lưu mẫu tại Trường.

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ còn lại chưa sử dụng: 1.219 chiếc (cao đẳng: 178 chiếc; trung cấp: 123 chiếc; sơ cấp: 918 chiếc).

- Quản lý việc in, cấp phôi bằng chứng chỉ: đã mở sổ theo dõi việc in và cấp phôi bằng tốt nghiệp, chứng chỉ; sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ; lập hồ sơ quản lý việc in, sử dụng phôi, cấp, hủy bỏ phôi bằng tốt nghiệp; đã cử cán bộ thuộc Phòng Đào tạo làm công tác quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp.

### **3. Chế độ làm việc của nhà giáo**

#### **3.1. Đối với nhà giáo cơ hữu**

- Hằng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo; đã tổ chức cho đội ngũ nhà giáo nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại bệnh viện và các cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Hiệu trưởng đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo (Quyết định số 18/QĐ-HIC ngày 12/01/2021 và Quyết định số 227/QĐ-HIC ngày 15/3/2023):

\* Nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trung cấp:

+ Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ.

+ Thời gian nghỉ hằng năm: 08 tuần đối với nhà giáo; 06 tuần đối với người quản lý có tham gia giảng dạy, bao gồm nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ.

+ Định mức giờ giảng trong năm học: Trường đã quy định khung định mức giờ giảng từ 350 đến 450 giờ (nhà giáo dạy trình độ cao đẳng), từ 400 đến 510 giờ (nhà giáo dạy trình độ sơ cấp) nhưng chưa quy định cụ thể mức giờ chuẩn đối với nhà giáo.

\* Nhà giáo giảng dạy trình độ sơ cấp:

+ Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp là 46 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ.

+ Thời gian nghỉ hằng năm: Trường chưa quy định thời gian nghỉ hằng năm của nhà giáo.

+ Định mức giờ giảng trong năm học: Trường đã quy định khung định mức giờ giảng từ 500 đến 580 giờ nhưng chưa quy định cụ thể mức giờ chuẩn đối với nhà giáo trình độ sơ cấp.

- Kiểm tra xác suất định mức giờ giảng năm học 2022 - 2023 của 02 nhà giáo, kết quả: bà Nguyễn Thị Vân Quỳnh (sinh ngày 18/11/1990), nhà giáo dạy môn Pháp luật trình độ cao đẳng, tổng số giờ thực giảng 315 giờ; bà Lê Anh Thơ (sinh ngày 31/01/1997), nhà giáo dạy môn tiếng Hàn Quốc trình độ cao đẳng, tổng số giờ thực giảng 300 giờ chưa đảm bảo định mức giờ giảng.

### **3.2. Đối với nhà giáo thỉnh giảng**

- Trường đã ký hợp đồng với 169 giảng viên thỉnh giảng; trong hợp đồng đã quy định nội dung giảng dạy, lớp học, thời lượng môn học và số tiền giảng viên được hưởng.

- Thời giờ làm việc, hạn mức giờ thỉnh giảng đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp: theo số giờ giảng dạy thực tế của nhà giáo thỉnh giảng ghi trong hợp đồng giảng dạy.

- Kiểm tra xác suất 05 hồ sơ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo hợp đồng thỉnh giảng (hợp đồng số 04/K10OT/HĐTGHIC ngày 19/8/2022 ký với bà Lê Thị Thanh, dạy môn kỹ thuật chung về ô tô; hợp đồng số 05/K10ĐT/HĐTGHIC ngày 19/12/2022 ký với bà Lương Thuỳ Linh, dạy môn thiết kế mạch bằng máy tính; hợp đồng số 05/2023/HĐTGHIC ngày 06/3/2023 ký với ông Phạm Việt Thành, dạy môn thực hành điện động cơ; hợp đồng số 23c/2022/HĐQLĐT-HIC ngày 14/10/2022 ký với ông Trịnh Đắc Phong, dạy môn hệ thống điện thân xe ô tô; hợp đồng số 25s/2022/HĐQLĐT-HIC ngày 11/11/2022 với ông Đỗ Văn Quyết, dạy môn hộp số tự động ô tô), kết quả: có đầy đủ giấy tờ kèm theo hợp đồng, trong đó có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ kỹ năng nghề của 05 nhà giáo.

### **4. Tình hình thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu**

- Việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: không phát sinh.

- Việc dạy nghề cho lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, người nghèo và thanh niên dân tộc thiểu số: không phát sinh.

## **III. KẾT LUẬN**

### **1. Những quy định của pháp luật giáo dục nghề nghiệp đã được Trường thực hiện**

1.1. Đã thành lập Hội đồng quản trị và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Hiệu trưởng đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật.

1.2. Diện tích đất sử dụng chung toàn Trường 33.211 m<sup>2</sup>, đảm bảo diện tích đất sử dụng đối với trường cao đẳng thuộc khu vực đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

h



1.3. Đã xây dựng các hạng mục công trình diện tích 11.100 m<sup>2</sup>; diện tích bình quân khu hiệu bộ và khu hành chính là 10,7 m<sup>2</sup>/người (tại trụ sở chính) và 13,63 m<sup>2</sup>/người (tại địa điểm đào tạo); diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thí nghiệm/phòng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập là 6,9 m<sup>2</sup>/chỗ học; có thư viện, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và y tế để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên (ký túc xá, phòng y tế, khu giáo dục thể chất, sân chơi thể thao) theo quy định pháp luật.

1.4. Kết quả kiểm tra xác suất 50/50 nhà giáo giảng dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp: đã đảm bảo trình độ chuyên môn, kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học; tiêu chuẩn về kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo quy định pháp luật.

1.5. Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên là 9,8 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên đảm bảo quy định pháp luật.

1.6. Đã thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo hằng năm vào cuối năm học, ban hành kế hoạch đánh giá, thành lập hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo theo quy định pháp luật.

1.7. Đã xây dựng, thẩm định và ban hành 39 chương trình đào tạo cho 39 ngành, nghề trình độ cao đẳng và trung cấp theo quy định; đã xây dựng, thẩm định, ban hành 01 chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng; đã xây dựng, thẩm định, ban hành 16 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp cho 16 ngành, nghề; đã ban hành quyết định cho phép sử dụng 39 giáo trình do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác xây dựng và ban hành đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, đào tạo liên thông và 16 giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp.

1.8. Đã ban hành quy chế tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra theo quy định.

1.9. Đã tuyển sinh 3.769 học sinh, sinh viên (trình độ cao đẳng: 3.598 người; trình độ trung cấp: 136 người; trình độ sơ cấp: 35 người); đã thực hiện đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo kết quả tuyển sinh, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh; hồ sơ đăng ký dự tuyển, hồ sơ tuyển sinh đào tạo liên thông và hồ sơ trúng tuyển có đầy đủ giấy tờ theo quy định.

1.10. Đã ban hành quy chế đào tạo và công khai các nội dung về đào tạo theo quy định; đã tổ chức đào tạo 101 lớp cho 3.508 sinh viên (trình độ cao đẳng: 3.335 người; trình độ trung cấp: 138 người; trình độ sơ cấp: 35 người); đã ban hành chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo niên khóa và đào tạo từng năm học; đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa và giảng viên theo đúng quy định.

1.11. Đã ban hành quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; đã thành lập hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng, hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và các ban giúp việc theo quy định pháp luật; đã công nhận tốt nghiệp cho 648 người (cao đẳng: 544 người; trung cấp: 69 người; sơ cấp: 35 người).

h

1.12. Đã ban hành quy định cụ thể về biểu mẫu báo cáo, sổ quản lý về công tác đào tạo; có đầy đủ hồ sơ, sổ dành cho Trường và hồ sơ, sổ dành cho giáo viên, giảng viên theo quy định pháp luật; đã ghi chép đầy đủ sổ quản lý sinh viên, sổ lên lớp, sổ tay giáo viên.

1.13. Đã ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng và báo cáo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTBXH thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hà Nội; đã mở sổ theo dõi, quản lý việc in, sử dụng phôi, cấp, hủy bỏ phôi bằng tốt nghiệp theo quy định pháp luật.

1.14. Đã ban hành quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo; kết quả kiểm tra xác suất 05 hồ sơ của nhà giáo thỉnh giảng: đã ký hợp đồng thỉnh giảng, đầy đủ giấy tờ kèm theo hợp đồng, trong đó có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ kỹ năng nghề.

## **2. Những quy định pháp luật giáo dục nghề nghiệp chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Chưa có văn bản của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp công nhận Hiệu trưởng đương nhiệm (ông Trương Tuấn Dũng) là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về điều lệ trường cao đẳng; thành phần tham gia Hội đồng quản trị thiếu đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trụ sở hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.

2.2. Thiếu thiết bị đào tạo trình độ cao đẳng: ngành công nghệ thông tin thiếu 06/349 thiết bị (chiếm 1,71%) theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH; ngành kỹ thuật chế biến món ăn thiếu 08/638 thiết bị (chiếm 1,25%) theo quy định tại Phụ lục số 38b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2.3. Thành phần Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng chưa có đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2.4. Chưa thực hiện công bố công khai danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2.5. Có 05/06 lớp học lý thuyết được kiểm tra vượt quy mô lớp học (quá 35 người học/lớp) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2.6. Chưa quy định cụ thể mức giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo quy định tại khoản 5 và khoản 8 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH; chưa quy định thời gian nghỉ hằng năm đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định khoản 7 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH.

2.7. Chưa đảm bảo định mức giờ giảng trong năm học 2022 - 2023 đối với 02 nhà giáo (bà Nguyễn Thị Vân Quỳnh thiếu, tổng số giờ thực giảng 315 giờ; bà Lê Anh Thơ, tổng số giờ thực giảng 300 giờ) theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 và khoản 5 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH.

#### **IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

##### **1. Đối với Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội**

Chánh thanh tra Bộ LĐĐTĐBXH yêu cầu Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội khắc phục các sai phạm, thiếu sót như sau:

1.1. Thực hiện thủ tục thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 15/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/10/2021; đảm bảo Hội đồng quản trị đầy đủ thành phần theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.

1.2. Bố trí đầy đủ thiết bị đào tạo trình độ cao đẳng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2020 (đối với ngành công nghệ thông tin) và Phụ lục số 38b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH (đối với ngành kỹ thuật chế biến món ăn).

1.3. Đảm bảo hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp và đào tạo liên thông đầy đủ thành phần theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH (khi phát sinh).

1.4. Thực hiện công bố công khai danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH (khi phát sinh).

1.5. Bố trí, sắp xếp lớp học lý thuyết đảm bảo quy mô không quá 35 người học/lớp theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH.

1.6. Quy định cụ thể định mức giờ giảng trong năm học đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo quy định tại khoản 5 và khoản 8 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022; quy định thời gian nghỉ hằng năm đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH.

1.7. Đảm bảo định mức giờ giảng trong năm học đối với 02 nhà giáo (bà Nguyễn Thị Vân Quỳnh, bà Lê Anh Thơ) theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

**2. Các biện pháp xử lý:** không phát sinh.

## **V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ**

Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần IV Kết luận thanh tra này và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (kèm tài liệu minh chứng) về Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/7/2023./.

### **Nơi nhận:**

- Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tân Dũng (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.



**Nguyễn Anh Tuấn**

